

TRƯỜNG TH, THCS, THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 7 – NĂM HỌC 2025-2026

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Các đại lượng tỉ lệ	Tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau	2 (TN 2 ,7) 0,5 đ								1,5
		Giải toán về đại lượng tỉ lệ					1 (TL 4) 1,0đ				
2	Biểu thức đại số	Biểu thức đại số	1 (TN 5) 0,25 đ								3,75
		Đa thức một biến	1 (TN 1) 0,25 đ	1 (TL 1) 1,0đ	1 (TN 3) 0,25 đ	1 (TL 2) 1,0đ		1 (TL 3) 1,0đ			
3	Tam giác	Góc và cạnh của một tam giác	1 (TN 11) 0,25 đ								4,25
		Tam giác bằng nhau				2 (TL 5) 1,0đ (TL 6a) 1,0đ					

		Tam giác cân			1 (TN 8) 0,25 đ					
		Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	1 (TN6) 0,25 đ		1 (TN 9) 0,25 đ					
		Các đường đồng quy của tam giác	1 (TN 12) 0,25 đ						1 (TL 6b) 1,0đ	
4	Một số yếu tố xác suất	Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản	1 (TN 10) 0,25 đ		1 (TN 4) 0,25 đ					0,5
Tổng: Số câu Điểm			8 2,0	1 1,0	4 1,0	3 3,0		2 2,0	1 1,0	19 10,0
Tỉ lệ %			30%		40%		20%		10%	100%
Tỉ lệ chung			70%			30%			100%	

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 – MÔN TOÁN – LỚP 7 – NĂM HỌC 2025-2026

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ VÀ ĐẠI SỐ						
1	Các đại lượng tỉ lệ	Tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau	Nhận biết: - Nhận biết được tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức. - Nhận biết được dãy tỉ số bằng nhau	2TN		
		Giải toán về đại lượng tỉ lệ	Vận dụng – Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch (ví dụ: bài toán về thời gian hoàn thành kế hoạch và năng suất lao động,...).			1TL
2	Biểu thức đại số	Biểu thức đại số	Nhận biết: – Nhận biết được biểu thức đại số	1TN		
		Đa thức một biến	Nhận biết: – Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến. – Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến – Nhận biết được cách biểu diễn đa thức một biến;	1TN 1TL		

			Thông hiểu: – Xác định được bậc của đa thức một biến.		1TN 1TL		
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán.			1TL	
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
3	Tam giác	Góc và cạnh của một tam giác	Nhận biết: – Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác.	1TN			
		Tam giác bằng nhau	Thông hiểu: – Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông.		2TL		
		Tam giác cân	Thông hiểu: – Mô tả được tam giác cân và giải thích được tính chất của tam giác cân (ví dụ: hai cạnh bên bằng nhau; hai góc đáy bằng nhau).		1TN		
		Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm: đường vuông góc và đường xiên; khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng.	1TN			
			Thông hiểu: – Giải thích được quan hệ giữa đường vuông		1TN		

			góc và đường xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối trong tam giác (đối diện với góc lớn hơn là cạnh lớn hơn và ngược lại).				
		Các đường đồng quy của tam giác	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được đường trung trực của một đoạn thẳng và tính chất cơ bản của đường trung trực. – Nhận biết được: các đường đặc biệt trong tam giác (đường trung tuyến, đường trung trực); sự đồng quy của các đường đặc biệt đó. 	1TN			
		Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học	<p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...). 				1TL
4	Một số yếu tố xác suất	<i>Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản</i>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Làm quen với các khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên và xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong các ví dụ đơn giản. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản (ví dụ: lấy bóng trong túi, tung xúc xắc,...). 	1TN			
				1TN			

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 - 2026

MÔN NGỮ VĂN 7

Thời gian: 90 phút

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn về năng lực Ngữ văn trình độ lớp 7 (CT Ngữ văn 2018).
- Kĩ năng:** Đọc hiểu văn bản; cảm thụ, phân tích để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG:

- Kiến thức phần Đọc hiểu:** Đọc - hiểu một văn bản thông tin (tương đương về thể loại với các văn bản ở bài 8 trong Sgk Ngữ văn 7 bộ CTST)
- Kiến thức phần Viết:** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (tương đương kĩ năng đã học ở bài 7 trong Sgk Ngữ văn 7 bộ CTST)

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- Hình thức:** Tự luận (100%)
- Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	

1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin	0	2	0	2	0	1	0	0	60
2	Viết	Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	50
Tổng số câu hỏi			0	2	0	2	0	1	0	1	100
Điểm (Tỉ lệ %)			20		25		15		40		
Tỉ lệ chung			60						40		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	ĐỌC HIỂU	<ul style="list-style-type: none"> - Tri thức đọc hiểu: Đặc trưng của thể loại văn bản thông tin - Tri thức Tiếng Việt: số từ, thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu 	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin. - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. - Xác định được số từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu. 	2			
			Thông hiểu:		2		

			<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản. - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin. - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin. - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại). 				
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. <p style="text-align: center;"><i>(HS trả lời ngắn khoảng 5 dòng)</i></p>			1	
2	VIẾT	<p>Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. (Suy nghĩ về một câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống. <u>Chủ đề:</u> học tập, tình yêu thương con người)</p>	<p>Nhận biết: Thông hiểu Vận dụng: Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.</p>	1*	1*	1*	1*
Tổng số câu hỏi				2TL	2TL	1TL	1TL
Điểm (Tỉ lệ %)				20%	25%	15%	40%
Tỉ lệ chung				60			40

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ NGOẠI NGỮ

KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KỲ 2
Môn: Tiếng Anh 7
Năm học 2025-2026

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		TN	TL
		TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1	- Nghe hiểu	3		2				5	
2	- Ngữ âm	4						4	
3	- Từ vựng trong ngữ cảnh	1		5		1		7	
4	- Ngữ pháp: <i>Thì tương lai đơn (Unit 8)</i>	1						1	
5	- Ngữ pháp: <i>Liên từ : and, so, but, or</i>			1				1	
6	- Ngữ pháp: <i>cấu trúc so sánh bằng as...as (Unit 7)</i>					1		1	
7	- Ngữ pháp: <i>động từ khiếm khuyết: can't/ shouldn't/ don't have to/ mustn't (Unit 6)</i>					1		1	
8	- Ngữ pháp: <i>possessive pronouns (Unit 7)</i>					1		1	
9	- Chức năng giao tiếp	1		1				2	
10	- Đọc thông tin biển báo, quảng cáo	2						2	
11	- Đọc điền từ	1		4		1		6	
12	- Đọc hiểu, trả lời câu hỏi	4		1		1		6	
13	- Từ loại	3					3	3	3
14	- Sắp xếp các thành phần trong câu để tạo thành câu có nghĩa hoàn chỉnh (câu đơn – câu phức/ghép)				1		1		2
15	- Biến đổi câu						5		5
TỔNG		20	0	14	1	6	9	40	10
TỈ LỆ		40 %		30 %		30 %		80%	20%

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II KHỐI 7 NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Nghe	<i>Nghe thông tin chi tiết</i>	Biết - Nghe được các thông tin về thời gian, số lượng ... (<i>thời điểm, thời gian chuyển đi</i>) Hiểu - Dự đoán thông tin cần điền (là người, vật, hành động ...), nghe hiểu, và điền đúng thông tin. (<i>thông tin về các hoạt động du lịch</i>) + <i>nội dung thuộc Unit 9</i>	3	2	
2	Ngữ âm	<i>Phát âm</i>	Biết - Xác định được từ gạch chân có cách phát âm khác với các từ còn lại + <i>/ə/ sound (các từ được lấy từ nội dung Unit 6,7,8,9)</i> + <i>/ɪ/ sound (các từ được lấy từ nội dung Unit 6,7,8,9)</i>	2		
		<i>Nhấn âm</i>	Biết - Xác định được từ có vị trí nhấn khác các từ còn lại. + <i>các từ 2, 3 âm tiết; được lấy từ được lấy từ units 6, 7, 8, 9</i>	2		
3	Từ vựng	<i>Từ vựng trong ngữ cảnh</i>	Biết - Tìm được giới từ cố định sau một số động từ, tính từ hoặc các cụm từ quen thuộc + <i>take care of (lesson 1 – unit 6)</i> Hiểu - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. + <i>swimsuit/ stadium/ aquarium/ ferry (Unit 9)</i>	1 (1 giới từ)	5	1

			<p>+ <i>annual/ famous/ muddy/ local</i>(Unit 8) + <i>transportation/ custom/ ticket/ boarding pass</i> (Unit 7) + <i>relaxing/ visiting/ sightseeing/ fighting</i> (Unit 8,9) + <i>negative/ delighted/ comfortable/ convenient</i> (Unit 6, 7) Vận dụng + <i>take place/ happen/ appear/ occur</i> (Unit 8)</p>			
4	Ngữ pháp	Thì của động từ	<p>Biết - Xác định được thì của động từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức của thì vừa được xác định. + <i>Thì tương lai đơn</i></p>	1		
		(<i>Cấu trúc theo đơn vị bài học</i>)	<p>Hiểu - Diễn giải thông tin ngữ cảnh; từ đó chọn được (cụm) từ phù hợp, tạo thành câu hoàn chỉnh. + <i>or/ but/ so/ and</i> Vận dụng - Sử dụng cấu trúc phù hợp với ngữ cảnh; + <i>can't/ shouldn't/ don't have to/ mustn't</i> (Unit 6) + <i>possessive pronouns</i> (Unit 7) + <i>cấu trúc so sánh bằng: as...as</i> (Unit 7)</p>		1	3
5	Nói	<i>Chức năng giao tiếp</i>	<p>Biết - Nhận ra lời nói của người đối diện là lời mời, lời chào hỏi, lời khen,... dựa vào hình thức, cấu trúc đã được học; từ đó lựa chọn cách phản hồi đúng. + <i>Đáp lại câu hỏi tiền vé phương tiện di chuyển</i> (Unit 7) Hiểu - Diễn giải thông tin người nói; từ đó lựa chọn phản hồi phù hợp + <i>Đáp lại câu hỏi thông tin về lễ hội</i> (Unit 8)</p>	1	1	
6	Đọc	<i>Biển báo/ Thông tin</i>	<p>Biết - Chọn được lời phát biểu, mô tả đúng ý nghĩa biển báo nhất</p>	2		

		<p>+ <i>Biển báo giao thông</i> + <i>Biển báo quy định ở nơi công cộng (unit 8)</i></p>			
	<i>Điền từ</i>	<p>Hiểu - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. Vận dụng - Xem xét ý nghĩa của đoạn văn từ đó chọn đúng liên từ đảm bảo tính mạch lạc. Vận dụng (từ vựng) - Làm rõ sự khác nhau về cách sử dụng giữa các từ có nghĩa gần giống nhau (<i>thesaurus</i>); từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. - Phát hiện ra sự khác nhau giữa các từ có chính tả gần giống nhau, dễ nhầm lẫn (<i>confusable words</i>); từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. - Suy đoán nét nghĩa mở rộng của các từ vựng cơ bản, dựa trên nét nghĩa đã được học; từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh.</p>	1	4	1 (liên từ) 1 (từ vựng)
	<i>Đọc hiểu</i>	<p>Biết - Xác định được thông tin trong bài đọc bằng cách sử dụng từ khóa (<i>key word</i>); từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng hay sai; Hiểu - Diễn giải thông tin bài đọc và thông tin trong phát biểu; từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng, sai hay không được nhắc đến - Diễn giải thông tin bài đọc để tìm ra các danh từ, cụm từ mà đại từ/ tính từ chỉ định, sở hữu đề cập (thay thế) Vận dụng - Xem xét kĩ các thông tin trong bài đọc; từ đó tìm ra đúng ý chính của đoạn văn đọc hiểu</p>	4	1 (gồm 1 câu NI và 1 câu từ vựng)	1 <i>1 câu ý chính</i>

7	Viết	Từ loại	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được đúng từ loại dựa trên các dấu hiệu cơ bản + <i>difficulty</i> → <i>difficult</i> (Unit 6) + <i>fly</i> → <i>flight</i> (Unit 9) + <i>traditional</i> → <i>traditionally</i> (Unit 8) <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kiến thức về chức năng, vị trí, cách thành lập của các loại từ; kết hợp với yếu tố ngữ pháp từ đó hoàn thiện câu với hình thức đúng của từ trong ngoặc. + <i>friend</i> → <i>friendliness</i> (Unit 9) + <i>competetion</i> → <i>compete</i> (V+es; Ved)(Unit 8) + <i>history</i> → / <i>historical</i>/ <i>historic</i> (Unit 9) 	3		3
		Trật tự của từ	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được thành phần chính của câu đơn bị xáo trộn và đặt lại đúng vị trí + <i>Nội dung thuộc Unit 6,7</i> <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kiến thức về câu phức, câu ghép và hiểu nghĩa các từ, cụm từ; từ đó viết được câu hoàn chỉnh + <i>Nội dung thuộc Unit 6,7</i> 		1	1
		Biến đổi câu	<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện câu dựa trên việc sử dụng kiến thức về cấu trúc đã được dạy. + <i>Cấu trúc câu: Different from.....</i> (Unit 8) + <i>Cấu trúc câu: S+ intend + to VI</i> → <i>be going to</i> (Unit 9) + <i>Cấu trúc câu: Because</i> → <i>so</i> (Unit 6) + <i>Cấu trúc câu: It's unnecessary</i> → <i>don't have to</i> (Unit 6) + <i>Cấu trúc câu: It's.....but I don't stop</i> → <i>Although</i> (Unit 7) 			5
Tổng câu (50 câu)				20	15	15
Tổng điểm (10 điểm)				4	3	3
Tỉ lệ				40%	30%	30%

TRƯỜNG TH, THCS, THPT NGÔ THỜI NHIỆM

Năm học: 2025-2026

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUYMôn: **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7** – Kì kiểm tra Cuối học kì II – Thời gian làm bài: 60 phút**1. KHUNG MA TRẬN**

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số	
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (Tự luận 6 câu)			TN	TL	Tổng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	TỪ	Bài 18 : Nam châm	1							1		0,25
		Bài 19 : Từ trường	1	1						1		0,5
		Bài 20 : Từ trường Trái Đất – Sử dụng la bàn.	1	1						1		0,5
		Bài 21 : Nam châm điện	1							1		0,25
2	TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG	Bài 22: Vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật	2							2		0,5
		Bài 23 : Quang hợp ở thực vật		1						1		0,25
		Bài 25 : Hô hấp tế bào		1					1*	1		1,25
		Bài 27 : Trao đổi khí ở sinh vật	1				1			1	1	1,25

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số	
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (Tự luận 6 câu)			TN	TL	Tổng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		Bài 28 : Vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật	1					1	1			1,25
		Bài 29 : Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật	1					1	1	1		1,25
		Bài 30 : Trao đổi và chất dinh dưỡng ở động vật	1				1		1	1		1,25
3	CẢM ỨNG Ở SINH VẬT VÀ TẬP TÍNH Ở ĐỘNG VẬT	Bài 32: Cảm ứng ở sinh vật	1						1			0,25
		Bài 33: Tập tính ở động vật	1				1		1	1		1,25
4	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		12TN	4TN	0	1TL	2TL	3TL	16	6		
5	Điểm số		3,0	1,0	0	1,0	2,0	3,0	4,0	6,0	10,0	
6	Tổng số điểm		4,0 điểm			6,0 điểm			16	6	10 điểm	

Ghi chú:

+ Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I, II là một lệnh hỏi.

+ **Phần 1:** 16 câu TN lý thuyết – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** 6 câu Tự Luận – 6,0 điểm

2. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	TỪ	Bài 18 : Nam châm	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên và nêu được kí hiệu các cực của thanh nam châm. - Nêu được ứng dụng của nam châm trong các thiết bị, dụng cụ thường gặp trong cuộc sống. - Xác định được các cực của các dạng nam châm khác nhau. - Tiến hành được các thí nghiệm phát hiện nam châm, các vật có từ tính. - Trình bày được tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau. - Trình bày được sự định hướng của kim nam châm 	1TN		
		Bài 19 : Từ trường	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được từ phổ, đường sức từ của những dạng nam châm khác nhau. - Xác định được các cực và độ mạnh yếu của từ trường tại các điểm khác nhau trong từ trường. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cách tạo từ phổ bằng mặt sắt và nam châm. 	1TN	1TN	
		Bài 20 : Từ trường Trái Đất – Sử dụng la bàn	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sự tồn tại của từ trường Trái Đất - Chỉ ra được Trái Đất có các cực từ. - Phân biệt được cực từ, cực địa lí, trục từ, trục địa lí. - Biết cách sử dụng la bàn để tìm phương hướng. - Khẳng định được Trái Đất có từ trường. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. - Kể tên được các bộ phận của la bàn. - Chỉ ra được vị trí từ trường mạnh nhất của thanh nam châm. 	1TN	1TN	

		Bài 21 : Nam châm điện	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cấu tạo của nam châm điện. - Trình bày được mối quan hệ giữa dòng điện và từ trường. - Nêu được các ứng dụng của nam châm điện. - Chế tạo được nam châm điện đơn giản. - Thay đổi được từ trường của nam châm điện bằng cách thay đổi dòng điện. 	1TN		
2	<p>TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG Ở SINH VẬT</p>	Bài 22 : Vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát sơ đồ mô tả quá trình trao đổi chất nhận biết được cơ thể lấy vào chất gì và thải ra chất gì. - Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. - Nêu được vai trò của trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể. 	2TN		
		Bài 23 : Quang hợp ở thực vật	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được ý nghĩa thực tiễn vai trò trồng cây xanh trong khu đô thị, khu công nghiệp. - Vai trò quang hợp thực vật đối với môi trường và đối với con người. - Giải thích sự quang hợp thực vật giúp cân bằng hàm lượng carbon dioxide và Oxygen. - Những yếu tố chăm sóc cây trồng giúp cây quang hợp tốt. 		1TN	
		Bài 25 : Hô hấp tế bào	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát sơ đồ mô tả quá trình hô hấp tế bào cũng như mối quan hệ hai chiều giữa tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào. - Trình bày được tác động của một số yếu tố chủ yếu đến hô hấp tế bào. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được hiểu biết, kiến thức về hô hấp tế bào trong thực tiễn. 		1TN	1*TL

		<p>Bài 27 : Trao đổi khí ở sinh vật</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm trao đổi khí ở sinh vật. - Trình bày được cấu tạo khí khổng. - Nêu được chức năng của khí khổng. - Mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá. - Nêu được các cơ quan trao đổi khí ở động vật. - Mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người). 	<p>1TN 1TL</p>		
		<p>Bài 28 : Vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khắc phục tình trạng thiếu và thừa cân. - Tính toán về chỉ số BMI đánh giá thể trạng dinh dưỡng của một người trưởng thành. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn (ví dụ về chế độ dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống,...) 	<p>1TN</p>		<p>1TL</p>
		<p>Bài 29 : Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây. - Nêu được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ và mạch rây. - Nêu được vai trò của quá trình thoát hơi nước ở lá cây. - Trình bày được hoạt động đóng mở của khí khổng. - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). 	<p>1TN</p>		<p>1TL</p>

		Bài 30 : Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người). - Trình bày được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người) <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vị trí các cơ quan tiêu hóa và sơ đồ hai vòng tuần hoàn ở người. - Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người); - Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. 	1TN	1TL	
3	CẢM ỨNG Ở SINH VẬT VÀ TẬP TÍNH Ở ĐỘNG VẬT	Bài 32: Cảm ứng ở sinh vật	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được cảm ứng của sinh vật đối với một nhân tố nhất định 	1TN		
		Bài 33: Tập tính ở động vật	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật; lấy được ví dụ minh họa. – Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức tập tính của một số loài động vật trong thực tiễn. 	1TN	1TL	
TỔNG	Trắc nghiệm	Số câu: 16 câu		12 TN	4 TN	
		Số điểm: 4,0 điểm		3,0 điểm	1,0 điểm	
	Tự luận	Số câu: 6 câu		1TL	2TL	3 TL
		Số điểm: 6,0 điểm		1,0 điểm	2,0 điểm	3,0 điểm
Tỉ lệ %				40%	30%	30%

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: CÔNG NGHỆ 7 – Kì kiểm tra học kì II

Năm học: 2025-2026

1. MA TRẬN

T T	Chương/ Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			TN nhiều lựa chọn			Tự luận			Biết	Hiểu	VD		
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Mở đầu về chăn nuôi	Nghề chăn nuôi tại Việt Nam	3	1						3	1		10%
		Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam	3	1						3	1		10%
2	Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi	Kỹ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	3	1						3	1		10%
		Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn	3	1						3	1		10%
3	Nuôi thủy sản	Ngành thủy sản ở Việt Nam				1	1		1	1			30%
		Quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản							2			2	30%
Tổng số câu									13	5	2		
Tổng số điểm									4,0	3,0	3,0		
Tỉ lệ %									40%	30%	30%	100%	

2. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/chủ đề	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số lượng chỉ báo	
				Trắc nghiệm	Tự luận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Mở đầu về chăn nuôi	Nghề chăn nuôi tại Việt Nam	Biết: - Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.	3	
			Hiểu: - Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi	1	
		Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam	Biết: - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. - Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.	3	
			Hiểu: - So sánh được các đặc điểm cơ bản của các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. - Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam	1	
2	Nuôi dưỡng, chăm sóc và	Kỹ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	Biết: - Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.	3	

	phòng, trị bệnh cho vật nuôi		- Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản		
			Hiểu: - Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi	1	
	Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn	Biết: - Trình bày được kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho một loại vật nuôi phổ biến.	3		
		Hiểu: - Liên hệ được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc gà thịt vào thực tiễn. - Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi gà thịt ở gia đình và địa phương			
3	Nuôi thủy sản	Ngành thủy sản ở Việt Nam	Biết: - Trình bày được vai trò của thủy sản. - Nhận biết được một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta.		1
			Hiểu: - Trình bày được những thuận lợi để phát triển ngành nuôi thủy sản. - Trình bày được đặc điểm sinh trưởng của các thủy sản có giá trị ở Việt Nam.		1
	Quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản	Vận dụng: - Giải thích được kỹ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thủy sản phổ biến. - Giải thích được kỹ thuật chuẩn bị con giống một loại thủy sản phổ biến.		2	

			- Giải thích được kỹ thuật chăm sóc một loại thủy sản phổ biến. - Giải thích được kỹ thuật phòng, trị bệnh cho một loại thủy sản phổ biến		
Tổng số câu				12	4

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Loại bài kiểm tra: định kỳ - HK2

Khối 7 – ICT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			TNKQ-NLC			TNKQ-ĐS			Tự luận							
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng		
1	Chủ đề 4. Ứng dụng Tin học	Bài 11. Tạo bài trình chiếu										12			12	30% 3
		Bài 12. Sử dụng ảnh minh họa, hiệu ứng động trong bài trình chiếu	2	2	2	2	1	1					4	3	3	25% 2.5
		Bài 13. Thuật toán tìm kiếm	3	2	2	2	1	1					5	3	3	27.5% 2.75
		Bài 14. Thuật toán sắp xếp	3	2	2								3	2	2	17.5% 1.75
											12					
Tổng số câu			8 câu	6 câu	6 câu	4 ý	2 ý	2 ý				3	12	8	20	
Tổng số điểm			2	1.5	1.5	1	0.5	0.5				3	2	5		
Tỉ lệ %			50%			20%			30%			30%	20%	50%		

II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

			<ul style="list-style-type: none"> – Chèn được ảnh minh hoạ vào trang chiếu phù hợp nội dung. – Sử dụng hiệu ứng động hợp lí, không lạm dụng, cho bài trình chiếu. 											
		Bài 13. Thuật toán tìm kiếm	<p>*Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm thuật toán tìm kiếm tuần tự, thuật toán tìm kiếm nhị phân. – Kể tên được các bước cơ bản của thuật toán tìm kiếm tuần tự và thuật toán tìm kiếm nhị phân. <p>*Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vai trò của thuật toán tìm kiếm tuần tự và thuật toán tìm kiếm nhị phân trong việc giải quyết các vấn đề tìm kiếm dữ liệu. – Phân biệt được khi nào nên sử dụng thuật toán tìm kiếm tuần tự và khi nào nên sử dụng thuật toán tìm kiếm nhị phân. <p>*Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Áp dụng thuật toán tìm kiếm tuần tự và 	3	2	2	2	1	1					

			<p>thuật toán tìm kiếm nhị phân vào giải quyết các bài toán thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> Sử dụng đúng thuật toán để tìm kiếm một số trong một danh sách hoặc mảng đã sắp xếp. 											
		Bài 14. Thuật toán sắp xếp	<p>*Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm thuật toán sắp xếp nổi bọt, thuật toán sắp xếp chọn. Kể tên được các bước cơ bản của thuật toán sắp xếp nổi bọt và thuật toán sắp xếp chọn. <p>*Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được vai trò của thuật toán sắp xếp nổi bọt và thuật toán sắp xếp chọn trong việc tổ chức dữ liệu theo một thứ tự nhất định. Phân biệt được khi nào nên sử dụng thuật toán sắp xếp nổi bọt và khi nào nên sử dụng thuật toán sắp xếp chọn. <p>*Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> Áp dụng thuật toán sắp xếp nổi bọt và thuật toán sắp xếp 	3	2	2								

			chọn vào giải quyết các bài toán thực tế như sắp xếp danh sách, mảng số. – Sử dụng đúng thuật toán để sắp xếp một danh sách hoặc mảng dữ liệu theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần.											
		Tổng số câu		8 câu	6 câu	6 câu	4 ý	2 ý	2 ý					12
		Tổng số điểm		2	1.5	1.5	1	0.5	0.5					3
		Tỉ lệ %		50%			20%			30%				

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

ST T	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng số câu			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm									Tự luận						
			Phần I <i>(Trắc nghiệm nhiều lựa chọn)</i>			Phần II <i>(Trắc nghiệm đúng sai)</i>			Phần III <i>(Trả lời ngắn)</i>									
			NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD				NB	TH	VD	
Địa lí																		
1	CHÂU ĐẠI DƯƠNG	<ul style="list-style-type: none"> – Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia. – Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên. 	C1,2	C4											C1,2	C4		10%
	CHÂU NAM CỰC	<ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí của châu Nam Cực – Lịch sử phát kiến châu Nam Cực 	C5,6			C1-a	C1-b	C1-c,d					C1-TLa	C1-TLb	C5,6 C1-a	C1-b C1-TLa	C1-d C1-TLb	

		- Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực	C7,8														
Tổng số câu			7	1		1	1	2					1	1			
Tổng điểm			1.75	0.25		0.25	0.25	0.5					1.0	1.0	2.0	1.5	50%
			30%									20%		20%	15%	15%	50%
Lịch sử																	
2	VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI	Việt Nam từ thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XV: thời Trần, Hồ + Thời Trần	C9,10 C11, 12												C9,10 C11, 12		
		Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)	C13,14	C16											C13, 14	C16	

		Việt Nam từ thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XV: + Nhà Hồ	C15			C1-a	C1-b	C1-c,d					C1-TLa	C1-TLb	C7 C1-a	C1-b C1-TLb	C1-c,d C1-TLb	
Tổng số câu			7	1		1	1	2					1	1				
Tổng điểm			1.75	0.25		0.25	0.25	0.5					1.0	1.0	2.0	1.5	1.5	50%
Tỉ lệ %			30%									20%		20%	15%	15%	50%	
TỔNG			60%									40%		40%	30%	30%	100%	

			<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. – Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,... 												
		Việt Nam từ thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XV: + Nhà Hồ	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly - Nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ. – Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh – Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược. 	C15			C1-a	C1-b	C1-c,d					C1-TLa	C1-TLb
Tổng số câu				7	1		1	1	2					1	1
Tổng điểm				1.75	0.25		0.25	0.25	0.5					1.0	1.0

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN GDCD – **KHỐI 7 (TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN)**
Thời gian làm bài: 45 phút

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu TN+TL	Tổng điểm	Ghi chú
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG				
			CH	Điểm	CH	Điểm	CH	Điểm			
1	Giáo dục đạo đức	Bài 9: Quản lí tiền	4TN 1TL	2,0	2TN	0,5	2TN	0,5	8 câu TN 1 câu TL		
2	Giáo dục đạo đức	Bài 10: Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội.	4TN	1,0	4TN 1TL	2,0	2TN	0,5	10 câu TN 1 câu TL	3,5	
3	Giáo dục đạo đức	Bài 11: Phòng chống tệ nạn xã hội.	4TN	1,0	2TN	0,5	4TN 1TL	2,0	10 câu TN 1 câu TL	3,5	
TỔNG			12TN 1TL	4,0	8TN 1TL	3,0	8TN 1TL	3,0	28TN 3TL	10	
Tỉ lệ			40%		30%		30%		100%		
TỔNG ĐIỂM			4,0 điểm		3,0 điểm		3,0 điểm		10 điểm		

Lưu ý: điểm trắc nghiệm là 7 điểm

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN GDCD – **KHỐI 7**
Thời gian làm bài: 45 phút

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Giáo dục đạo đức	Bài 9: Quản lí tiền	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được khái niệm và một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả. Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xác định được một số nguyên tắc quản lí tiền hiệu quả. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thực hành được một số cách quản lí tiền hiệu quả. Thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với việc quản lí tiền. 	4TN 1TL	2TN	2TN
2	Giáo dục đạo đức	Bài 10: Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội. Kể ra được các tệ nạn xã hội hiện nay. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong việc bị bạo lực học đường. Xác định được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội ảnh hưởng đến gia đình, bản thân và đời sống xã hội như thế nào. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đưa ra các giải pháp cụ thể, phù hợp với lứa tuổi về phòng chống tệ nạn xã hội. 	4TN	4TN 1TL	4TN
3	Giáo dục đạo đức	Bài 11: Phòng chống tệ nạn xã hội.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong việc phòng chống tệ nạn xã hội. 	4TN	2TN	4TN 1TL

			Vận dụng: - Trách nhiệm của bản thân trong việc phòng chống các tệ nạn xã hội. - Tích cực ngăn ngừa và đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng chống các tệ nạn xã hội.			
4	Tổng	Trắc nghiệm	- Số câu TN: 28 - Số điểm: 7,0	12TN 1TL	8TN 1TL	10TN 1TL
		Tự luận	Số câu TL: 3 - Số điểm: 3,0	4,0 1,0	2,0 1,0	2,0 1,0
Tỉ lệ %			100%	40%	30%	30%

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM
BỘ MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II- NĂM HỌC: 2025 -2026

KHỐI 7

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 7,8 GDP 7. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỷ lệ %	tổng số câu TN và TL
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		Vận dụng		Vận dụng cao						
			Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL			
	Chủ đề 7: Văn Hoá Âm Thực Thành Phố Hồ Chí Minh (3 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm đa dạng, phong phú của văn hóa âm thực TP. Hồ Chí Minh. - Trình bày được nguồn gốc, đặc trưng của một số món ăn, thức uống tiêu biểu của người dân TP.HCM. - Hiểu được ý nghĩa văn hóa, xã hội và tinh thần 	6		2				1		8	1	20,25	50%	8

		cộng đồng trong ẩm thực địa phương. - Biết được ảnh hưởng của quá trình giao lưu văn hóa đến sự hình thành phong cách ẩm thực Sài Gòn.												
2	Chủ đề 8: Hiểu Minh, Hiểu Nghề, Sáng Tương Lai (3 tiết)	- Nhận biết được tầm quan trọng của việc hiểu bản thân và định hướng nghề nghiệp tương lai. - Trình bày được một số nhóm nghề đặc trưng, phổ biến tại TP. Hồ Chí Minh (dịch vụ, công nghệ, kỹ thuật, sáng tạo, giáo dục...) - Hiểu được mối quan hệ giữa năng lực, sở thích, giá trị sống với lựa chọn nghề nghiệp. - Biết cách tìm hiểu thông tin nghề nghiệp, trường học, cơ hội việc làm tại TP. Hồ Chí Minh .	4	2	1				6	1	20,25	50%		8
Tổng			10	4	1		1		14	2	45	100%		16

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM
BỘ MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II - GDĐP 7 - NĂM HỌC: 2025-2026****I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA**

- Nội dung: Chủ đề 7, 8 GDĐP 7. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
				Câu hỏi TN	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TL
1	Chủ đề 7: VĂN HOÁ ẨM THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (3 tiết)	<ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được đặc điểm đa dạng, phong phú của văn hóa ẩm thực TP. Hồ Chí Minh.- Trình bày được nguồn gốc, đặc trưng của một số món ăn, thức uống tiêu biểu của người dân TP. Hồ Chí Minh.	<ul style="list-style-type: none">*Biết: Đặc điểm đa dạng, phong phú của văn hóa ẩm thực TP. Hồ Chí Minh.*Hiểu: Ý nghĩa văn hóa, xã hội và tinh thần cộng đồng trong ẩm thực địa phương.	6	2		1

		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được ý nghĩa văn hóa, xã hội và tinh thần cộng đồng trong ẩm thực địa phương. - Biết được ảnh hưởng của quá trình giao lưu văn hóa đến sự hình thành phong cách ẩm thực Sài Gòn. 	<p>*Vận Dụng: Biết được ảnh hưởng của quá trình giao lưu văn hóa đến sự hình thành phong cách ẩm thực Sài Gòn.</p>				
2	<p>Chủ đề 8: HIỂU MÌNH, HIỂU NGHỀ, SÁNG TƯƠNG LAI (3 tiết)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tầm quan trọng của việc hiểu bản thân và định hướng nghề nghiệp tương lai. - Trình bày được một số nhóm nghề đặc trưng, phổ biến tại TP. Hồ Chí Minh (dịch vụ, công nghệ, kỹ thuật, sáng tạo, giáo dục...). - Hiểu được mối quan hệ giữa năng lực, sở thích, giá trị sống với lựa chọn nghề nghiệp. - Biết cách tìm hiểu thông tin nghề nghiệp, trường học, cơ hội việc làm tại TP. Hồ Chí Minh. 	<p>*Biết: Tầm quan trọng của việc hiểu bản thân và định hướng nghề nghiệp tương lai.</p> <p>*Hiểu: Một số nhóm nghề đặc trưng, phổ biến tại TP. Hồ Chí Minh (dịch vụ, công nghệ, kỹ thuật, sáng tạo, giáo dục...).</p> <p>*Vận Dụng: Tìm hiểu thông tin nghề nghiệp, trường học, cơ hội việc làm tại TP. Hồ Chí Minh.</p>	4	2	1	
Tổng số câu: 16				10	4	1	1

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 2: Kỹ thuật đá bóng.
- Năng lực:* Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:* Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III.MA TRẬN

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Chủ đề 2: Kỹ thuật đá bóng	1. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		2. Kỹ thuật dừng bóng lăn bằng mu giữa	1	1	1	1	3	3			5		5	

		3. Kỹ thuật dẫn bóng bằng mu giữa							1	17				25
		Thực hành (Bài 1, 2, 3)							1	18				25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026
Môn: GDTC Lớp 7 – BÓNG ĐÁ (Trắc nghiệm và Thực hành)

ST T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kỹ thuật đá bóng.	Đá bằng lòng bàn chân	- Nhận biết vị trí lòng bàn chân và các giai đoạn đá. - Thông hiểu cách đặt chân trụ. - Vận dụng chuyên bóng ngắn chính xác.	1 (0,5 đ)		1(0,5 đ)	3(1,5 đ)
		Dùng bóng bằng mu giữa	- Nhận biết vị trí tiếp xúc mu giữa. - Thông hiểu nguyên lý hoãn xung rút chân. - Vận dụng dùng được bóng lăn từ trước tới.	1(0,5 đ)		1(0,5 đ)	3(1,5 đ)
		Dẫn bóng bằng mu giữa	- Nhận biết tư thế dẫn bóng. - Thông hiểu cách dùng lực đẩy bóng. - Vận dụng dẫn bóng đi thẳng và qua cọc.				1(2,5 đ)
		Thực hành tổng hợp	- Thực hiện đúng kỹ thuật đá, dùng và dẫn bóng theo yêu cầu đạt mức độ Hoàn thành/Hoàn thành tốt.				1(2,5 đ)

Trường TH- THCS-THPT Ngô Thời Nhiệm

Tổ Nghệ thuật. Bộ môn: Âm nhạc

BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA HK II

Bộ môn: Nghệ thuật 7 (Âm nhạc)

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
1	Hát	Chủ đề 5: “Mùa cho em”. Chủ đề 6: “Vùng cao quê em” Chủ đề 7: “Cuộc đời tươi đẹp”	Nhận biết: Nêu được tên bài hát, tên các tác giả và nội dung của bài hát.	X	X
			Thông hiểu: - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của các bài hát. - Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.	X X	
			Vận dụng: - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca.	X X X	X X X

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
			<ul style="list-style-type: none"> - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà. - Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa các câu hát. - Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp. - Biết biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp. - Nêu được đoạn lặp lại đoạn 1 đoạn 2 của bài. 	<p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p>	<p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p>
2	Nghe nhạc	- Nghe trích đoạn: Việt Nam quê hương tôi	Nhận biết: Nêu được tên bản nhạc, tên tác giả	X	
		- Nghe trích đoạn: Xuân về trên bản Mèo	Thông hiểu: Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc	X	
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe nhạc. - Biết tưởng tượng khi nghe nhạc. - Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu. 	<p>X</p> <p>X</p> <p>X</p>	

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
3	Đọc nhạc	Bài đọc nhạc số 4 Bài đọc nhạc số 5	Nhận biết: Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc	X	X
			Thông hiểu: - Hiểu được các kí hiệu trong bài đọc nhạc. - Phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc. - Cảm nhận được tính chất của bài đọc nhạc	X X X	
			Vận dụng: - Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng. - Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài đọc nhạc. - Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm.	X X X	X X
4	Nhạc cụ	- Nhạc cụ thể hiện tiết tấu: Các Bài thực hành cho chủ đề 5,6,7 - Nhạc cụ thể hiện giai điệu: Các Bài thực hành cho chủ đề 5,6,7	Nhận biết: Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.	X	
			Thông hiểu: Biết nhận xét về cách chơi đàn và cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác.	X	
			Vận dụng: - Biết chơi nhạc cụ đúng kĩ thuật. - Tự làm được các nhạc cụ gõ đơn giản	X X	X

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
			từ chất liệu sẵn có. - Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu. - Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu. - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát. - Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.	x x x x x	x x x x
5	Thường thức âm nhạc	Nhạc sĩ Đỗ Nhuận. - Giới thiệu một số nhạc cụ dân tộc	Nhận biết: Biết đôi nét về tác giả	x	

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
		miền núi phía Bắc. - Nhạc sĩ Ludwig van Beethoven	Thông hiểu: - Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp nhạc sĩ, kể tên một số tác phẩm tiêu biểu. - Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp, phong cách sáng tác của nhạc sĩ. - Nêu được các đặc điểm của các nhạc cụ. - Nhận biết được nhạc cụ khi nghe hoặc xem biểu diễn.	x x x x	
			Vận dụng: - Cảm nhận được tính chất âm nhạc trong các tác phẩm của nhạc sĩ. - Nhận biết và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ khi nghe nhạc. - Cảm nhận được tính chất âm nhạc trong các tác phẩm âm nhạc khi nghe. - Bảo tồn và phát huy các nhạc cụ truyền thống.	x x x x	

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2025-2026
MÔN MĨ THUẬT LỚP 7

Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mĩ thuật Tạo hình	<p>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> – Châm, nét, hình, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm. – Hòa hòa, tương phản, lặp lại, nhịp điệu. <p>Thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hội họa (Tranh ghép mảnh) <p>Hoạt động thực hành và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thảo luận về sản phẩm của học sinh. <p>Định hướng chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> – Những mảnh ghép thú vị (Mosaic) 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sử dụng các loại chất liệu rời rạc (giấy vụn, hạt, lá khô...) để tạo hình. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được các bước thực hiện tranh ghép mảnh. – Phân tích được sự thú vị của bề mặt chất cảm trong tranh. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được nguyên lí nhịp điệu và sự lặp lại của các "mảnh ghép" để tạo hình ảnh có ý nghĩa. – Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân và nhóm. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết cách phối hợp màu sắc sáng tạo từ các vật liệu khác nhau. – Biết ứng dụng kĩ thuật ghép mảnh vào trang trí đồ vật thực tế.